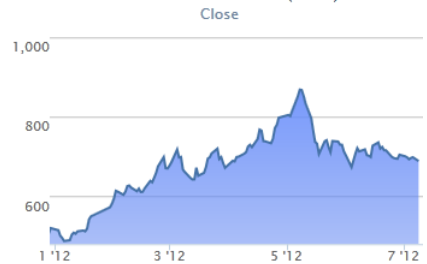


### DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

#### Chỉ số Đại diện

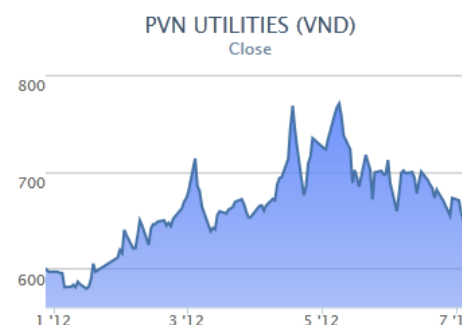
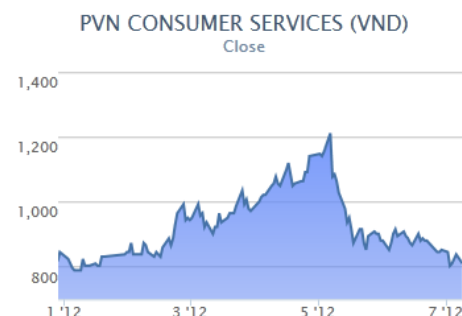


#### Chỉ số PVN 10



| Chỉ số                   | Giá đóng cửa | Thay đổi | % Thay đổi |
|--------------------------|--------------|----------|------------|
| PVN 10                   | 769.25       | ↓23.47   | ↓ -2.96    |
| PVN ALL SHARE CONTINUOUS | 658.85       | ↓11.22   | ↓ -1.67    |
| PVN ALLSHARE             | 642.03       | ↓10.23   | ↓ -1.57    |
| PVN ALLSHARE HNX         | 557.75       | ↓22.01   | ↓ -3.8     |
| PVN ALLSHARE HSX         | 688.73       | ↓9.62    | ↓ -1.38    |
| PVN Vật Liệu Cơ Bản      | 971.01       | ↓14.49   | ↓ -1.47    |
| PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng    | 809.86       | ↓28.17   | ↓ -3.36    |
| PVN Tài Chính            | 578.46       | ↓25.58   | ↓ -4.23    |
| PVN Công Nghiệp          | 473.43       | ↓19.59   | ↓ -3.97    |
| PVN Dầu Khí              | 617.23       | ↓7.46    | ↓ -1.19    |
| PVN Dịch Vụ Tiện Ích     | 645.41       | → 0      | → 0        |

#### Chỉ số Ngành



## Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

| CHỈ SỐ | TÊN CHỈ SỐ              | LOẠI CHỈ SỐ | Chỉ số Giá |     |     |     | Chỉ số Lợi Nhuận |     |     |     |
|--------|-------------------------|-------------|------------|-----|-----|-----|------------------|-----|-----|-----|
|        |                         |             | VND        | EUR | USD | JPY | VND              | EUR | USD | JPY |
| PVNAS  | PVN ALL SAHRE           | Đại diện    | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVNASC | PVN ALLSHARE CONTINUOUS | Đại diện    | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVNHSX | PVN ALLSHARE HSX        | Đại diện    | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVNHNX | PVN ALLSHARE HNX        | Đại diện    | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVN10  | PVN 10                  | Đầu tư      | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVNBM  | PVN Vật liệu Cơ bản     | Ngành       | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVNCS  | PVN Dịch vụ Tiêu dùng   | Ngành       | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVNFI  | PVN Tài chính           | Ngành       | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVNIN  | PVN Công nghiệp         | Ngành       | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVNOG  | PVN Dầu khí             | Ngành       | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
| PVNUT  | PVN Dịch vụ Tiện ích    | Ngành       | 1          | 1   | 1   | 1   | 1                | 1   | 1   | 1   |
|        | TỔNG                    | 88          | 11         | 11  | 11  | 11  | 11               | 11  | 11  | 11  |

**Chỉ số Đại diện (4):** PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

**Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip):** được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

**Chỉ số Ngành (6):** Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Công Nghiệp

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Dầu Khí

• PVN Tài Chính

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

### Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

### Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

### Phương pháp luận

**Ngày gốc** của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

**Giá trị gốc** của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

### Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

**Cổ tức** được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

### Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

**Giới hạn tỷ trọng vốn hoá** 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### HSX:

#### Tổng quan thị trường

|                       | Giá trị  | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| VN-Index              | 408.10 ↓ | -7.34    | -1.77%  |
| KLGD (triệu ck)       | 5.58 ↓   | -37.74   | -87.11% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 89.48 ↓  | -539.89  | -85.78% |
| Tổng cung (triệu ck)  | 73.27 ↓  | -72.19   | -49.63% |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 85.40 ↓  | -78.67   | -47.95% |
| Giao dịch NN          |          |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 0.56 ↓   | -0.81    | -59.13% |
| KL bán (triệu ck)     | 0.69 ↓   | -0.70    | -50.32% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 22.31 ↓  | -0.02    | -0.08%  |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 30.97 ↑  | 9.02     | 41.10%  |

### Nhận định thị trường:

Theo số liệu của Tradeweb, lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm của Tây Ban Nha tăng vọt 0.12% lên 7.04%; lợi suất trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn của Ý cũng tăng 0.12% lên 6.15%. Đối với Tây Ban Nha, mức lợi suất vượt quá 7% bắt đầu báo hiệu sự nguy hiểm của việc vay mượn với chi phí cao để ổn định hệ thống tài chính trong nước.

Tại hội nghị sơ kết ngành, Thống đốc NHNN yêu cầu lãnh đạo các ngân hàng phải sớm chỉ đạo các chi nhánh điều chỉnh lãi suất cho vay với khách hàng cũ xuống dưới 15% một năm và thực hiện ngay từ 15/7. Với khoản vay mới lãi suất cho vay theo mặt bằng lãi suất huy động mới nhưng đảm bảo chất lượng tín dụng vay.

Bản cập nhật báo cáo kinh tế Việt Nam của bộ phận nghiên cứu tại Ngân hàng ANZ công bố mới đây cũng đưa ra nhận định, trong tâm chính sách của Việt Nam hiện nay đang là tăng trưởng. Theo đó, chuyên gia ANZ cho rằng, mức tăng trưởng trong sáu tháng cuối năm sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ bởi những động thái nới lỏng tiền tệ tích cực và những chính sách tài khóa mới trong sáu tháng đầu năm. Tuy nhiên, dự báo tăng trưởng theo tính toán ban đầu ở mức 5,5% sẽ gặp nhiều rủi ro.

*Chỉ số hai sàn lại quay trở lại xu thế chính khi tiếp tục giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần. Xu thế trên chỉ số hai sàn hiện tại vẫn đang là xu thế giảm và chưa xuất hiện bất cứ tín hiệu tích cực nào ngoại trừ việc các chỉ số đang dần tiến tới hỗ trợ mạnh (394 điểm với VN-Index và 65 điểm tương ứng với HNX-Index. Theo đó, nhà đầu tư ngắn hạn tạm thời vẫn nên duy trì vị thế tiền mặt ở mức cao, và chưa nên tham gia vào thị trường cho tới khi thanh khoản hai sàn có tín hiệu tích cực hơn.*

Công Ty CPCK Dầu khí  
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội  
ĐT: (84-4) 39343888  
Fax: 393439999

## HNX:

## Nhận định thị trường:

## Tổng quan thị trường

|                       | Giá trị  | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| HNX-Index             | 68.20 ↓  | -1.47    | -2.11%  |
| KLGD (triệu ck)       | 16.78 ↓  | -18.47   | -52.40% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 158.49 ↓ | -135.10  | -46.02% |
| Tổng cung (triệu ck)  | 29.86 ↓  | -24.09   | -44.65% |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 19.11 ↓  | -28.42   | -59.79% |
| Giao dịch NN          |          |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 0.08 ↓   | -0.06    | -44.87% |
| KL bán (triệu ck)     | 0.38 ↓   | -0.66    | -63.93% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 0.78 ↓   | -0.96    | -55.22% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 2.96 ↓   | -5.84    | -66.35% |



Đồ thị HNX-Index.

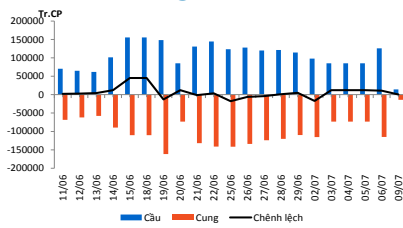
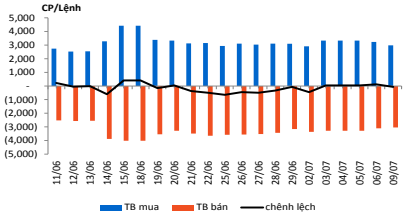
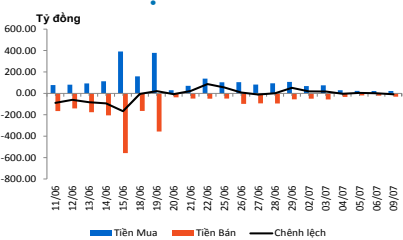
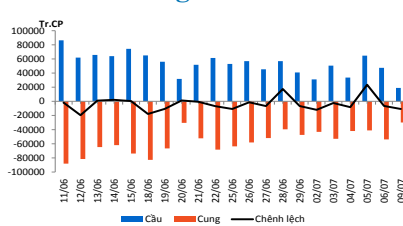
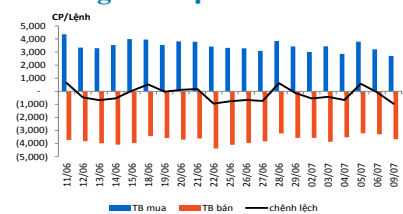
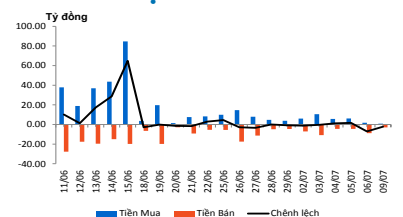
**Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index:** Kênh xu thế giảm rất rõ nét, xu thế giảm có sức mạnh (mức độ) khá mạnh và đang tăng dần, nguy cơ có thể sẽ còn xuất hiện những phiên sụt giảm mạnh.

Sau ba lần test, đường xu thế giảm, kênh xu thế giảm được khẳng định với độ tin cậy cao. Các tín hiệu kỹ thuật cho thấy sức mạnh của xu thế tăng dần theo thời gian:

ADX tăng liên tục và nhanh, đã đạt gần 30 cho thấy sức mạnh giảm giá áp đảo trên chỉ số HNX-index trong 14 phiên vừa qua.

MFI duy trì mức thấp khi chỉ ở khoảng 20. Điều tệ hại là MFI không tiếp tục đi xuống mà có vẻ như duy trì trong vùng OVER SOLD, kèm theo đó là sự sụt giảm của thanh khoản, cho thấy sự sụt giảm của chỉ số chủ yếu là do thiếu hụt sức cầu chứ không phải do áp lực bán giá thấp.

Trong ngắn hạn, khả năng tiếp tục giảm của HNX-Index vẫn hiện hữu, đồng thời các tín hiệu còn cho thấy sẽ có nguy cơ chỉ số xuất hiện thêm những phiên sụt giảm mạnh như phiên hôm nay. Mặc dù vậy, NĐT cũng nên lưu ý rằng HNX-Index sắp về tới vùng hỗ trợ mạnh tại 65 điểm. Tại vùng này thị trường sẽ có cơ hội để thay đổi cục diện mặc dù còn phụ thuộc vào khá nhiều yếu tố. Công cụ VOL AT PRICE cho thấy 65 điểm là một vùng tích lũy, vùng KL bán ra cạn kiệt vì tại đó hầu như không có giao dịch với lượng đáng kể.

**HSX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Với khoảng 60 mã giảm sau 15 phút mở cửa, VN-Index đánh mất 1.85 điểm, tương đương 0.45% xuống còn 413.59 điểm. Giao dịch chỉ đạt khoảng 1.1 triệu đơn vị, trị giá 13 tỷ đồng.

Thị trường khép lại phiên giao dịch buổi sáng với áp lực giảm điểm khá mạnh. VN-Index tạm dừng ở mức nguy hiểm 410 điểm. Theo đó, với hàng chục mã bluechips giảm giá, chỉ có STB, PVD, FPT, CTG đứng ở mức tham chiếu. Khối ngoại cũng đóng góp 1.39 triệu đơn vị, trong tổng số 18.75 triệu đơn vị của thị trường.

Kết thúc phiên, VN-Index giảm đến 7.32 điểm, tương ứng 1.76% chốt tại 408.12 điểm. Giao dịch cả khỏp lệnh lẫn thỏa thuận chỉ đạt gần 32 triệu đơn vị, tương đương 444 tỷ đồng. Khối ngoại gia tăng lượng mua vào đến hết phiên lên 2.36 triệu đơn vị, nhắm vào các mã đầu cơ như NVT, VSH, VNE, PVT... các mã bluechips được mua vào với khối lượng rất ít.

**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Ở sàn HNX, thị trường gặp cản trở ở ngưỡng 70 điểm, do vậy áp lực bán đã kéo HNX-Index xuống sát 69 điểm ngay từ đầu phiên. Sau khoảng 15 phút, chỉ số giảm 0.35 điểm, tức 0.5% xuống 69.32 điểm. Nhìn chung lượng bán ra không quá lớn do giá cổ phiếu đang khá rẻ so với mặt bằng chung.

Phiên buổi sáng, HNX chỉ đạt 12.28 triệu đơn vị, tương ứng giá trị 115.81 tỷ đồng. VND là mã duy nhất giao dịch trên 1 triệu đơn vị. Tiếp sau là PVX, SCR, HBB, KLS... tuy nhiên đều giảm giá khá mạnh, đặc biệt SCR giảm kịch sàn về 9,100 đồng/cp. Với tổng cộng 150 mã giảm giá, khá nhiều mã đầu cơ giảm sàn, cùng với việc nhóm vốn hóa lớn làm cho HNX-Index mất 1.01 điểm, tương ứng 1.45% xuống 68.66 điểm.

Kết thúc phiên, sàn HNX, chỉ số sụt giảm mạnh 1.47 điểm, tương ứng 2.11% xuống 68.2 điểm khi có hơn 190 mã tại sàn này mất điểm, trong đó khoảng 80 mã giảm kịch sàn.

## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 4 cổ phiếu đứng giá và 24 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PFL (giảm 6,38%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 3.21% và tổng khối lượng giao dịch đạt 6,242 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 09/07:

| STT | Mã  | Tên công ty                                   | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Nơi giao dịch |
|-----|-----|-----------------------------------------------|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|---------------|
| 1   | PCG | CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị          | 5,600.0            | 100       | → 0.00        | 0.49  | 15.14         | HNX           |
| 2   | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long                 | 2,900.0            | 1,500     | ↓ -3.33       | 0.28  | 26.36         | HNX           |
| 3   | PFL | CTCP Dầu khí Đông Đô                          | 4,400.0            | 106,800   | ↓ -6.38       | 0.26  | 0.43          | HNX           |
| 4   | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam         | 19,800.0           | 304,100   | ↓ -4.81       | 1.62  | 1.32          | HNX           |
| 5   | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN     | 8,700.0            | 52,000    | ↓ -6.45       | 0.81  | 5.51          | HNX           |
| 6   | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam         | 4,900.0            | -         | → 0.00        | 0.45  | 2.71          | HNX           |
| 7   | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí                      | 4,400.0            | 129,200   | ↓ -6.38       | 0.44  | N/A           | HNX           |
| 8   | PVC | Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | 13,200.0           | 83,900    | ↓ -5.04       | 0.79  | 1.97          | HNX           |
| 9   | PVE | Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí       | 10,300.0           | 26,500    | ↓ -1.90       | 1.80  | 4.70          | HNX           |
| 10  | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc         | 10,200.0           | 208,600   | ↓ -4.67       | 0.65  | 7.34          | HNX           |
| 11  | PVI | Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí                    | 16,200.0           | 14,200    | ↓ -2.41       | 0.69  | 8.18          | HNX           |
| 12  | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN    | 5,600.0            | 800       | ↓ -3.45       | 0.54  | 2.63          | HNX           |
| 13  | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí            | 14,500.0           | 268,250   | ↓ -3.33       | 1.22  | 3.88          | HNX           |
| 14  | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN                  | 8,900.0            | 2,389,800 | ↓ -4.30       | 0.39  | 3.35          | HNX           |
| 15  | GAS | Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP              | 38,000.0           | 14,910    | ↓ -0.78       | 3.07  | 12.18         | HSX           |
| 16  | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí     | 33,500.0           | 359,200   | ↓ -1.50       | 2.00  | 5.41          | HSX           |
| 17  | CNG | Công ty cổ phần CNG Việt Nam                  | 26,000.0           | 28,730    | ↓ -0.76       | 1.19  | 3.16          | HSX           |
| 18  | GSP | CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế             | 6,900.0            | 28,080    | ↓ -4.20       | 0.59  | 5.04          | HSX           |
| 19  | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí            | 11,500.0           | 404,390   | ↓ -3.40       | 0.66  | 2.83          | HSX           |
| 20  | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN         | 32,200.0           | 4,740     | → 0.00        | 1.57  | 4.55          | HSX           |
| 21  | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí         | 4,300.0            | 220,070   | ↓ -4.44       | 0.42  | 3.33          | HSX           |
| 22  | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí      | 34,000.0           | 104,650   | ↓ -2.86       | 1.15  | 6.68          | HSX           |
| 23  | PVF | Tổng CTCP Tài chính Dầu khí                   | 11,500.0           | 744,030   | ↓ -4.96       | 1.01  | 14.56         | HSX           |
| 24  | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí                     | 4,500.0            | 485,070   | ↓ -4.26       | 0.46  | 40.91         | HSX           |
| 25  | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí  | 5,700.0            | 47,810    | ↓ -3.40       | 0.55  | 3.80          | HSX           |
| 26  | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung               | 5,600.0            | 38,040    | ↓ -3.40       | 0.51  | 2.92          | HSX           |
| 27  | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí      | 9,900.0            | 166,710   | → 0.00        | 0.75  | 2.97          | HSX           |
| 28  | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí        | 5,500.0            | 9,980     | ↓ -3.50       | 0.50  | 3.62          | HSX           |
| 29  | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2            | 4,300.0            | 7,000     | → 0.00        | 0.39  | 4.61          | UPCOM         |
| 30  | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng                | 7,700.0            | -         | → 0.00        | 0.72  | 0.00          | UPCOM         |
| 31  | PSP | CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ             | 4,500.0            | 7,200     | ↑ 2.27        | 0.46  | 13.58         | UPCOM         |
| 32  | PSB | CTCP Đầu tư Sao Mai -Bến Đình                 | 4,400.0            | 6,400     | ↑ 10.00       | 0.39  | 3.95          | UPCOM         |
| 32  | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương               | 3,800.0            | -         | → 0.00        | 0.34  | N/A           | UPCOM         |

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| PVF | 12,100     | 11,500   | -4.96 | 8,660,663                          |
| MSN | 100,000    | 98,500   | -1.50 | 7,707,435                          |
| EB  | 18,600     | 18,500   | -0.54 | 7,624,279                          |
| BMC | 44,000     | 41,800   | -5.00 | 6,611,798                          |
| LCG | 10,600     | 10,100   | -4.72 | 5,523,199                          |

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| ACB | 25,700     | 25,600   | -0.39 | 30,101                             |
| GBS | 15,800     | 15,700   | -0.63 | 19,860                             |
| KLS | 9,500      | 9,100    | -4.21 | 12,939                             |
| VCG | 11,000     | 10,500   | -4.55 | 7,557                              |
| HBB | 4,600      | 4,400    | -4.35 | 6,520                              |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± %  |
|-----|------------|----------|------|------|
| TCL | 16,000     | 16,800   | 800  | 5.00 |
| ATA | 6,100      | 6,400    | 300  | 4.92 |
| SFC | 23,800     | 24,700   | 900  | 3.78 |
| FMC | 13,900     | 14,400   | 500  | 3.60 |
| IFS | 5,600      | 5,800    | 200  | 3.57 |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| S12 | 4,300      | 4,600    | 300   | 6.98 |
| HMH | 15,900     | 17,000   | 1,100 | 6.92 |
| LM3 | 2,900      | 3,100    | 200   | 6.90 |
| DL1 | 13,200     | 14,100   | 900   | 6.82 |
| BHV | 9,000      | 9,600    | 600   | 6.67 |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| BMC | 44,000     | 41,800   | -2,200 | -5.00 |
| PVF | 12,100     | 11,500   | -600   | -4.96 |
| ASM | 12,100     | 11,500   | -600   | -4.96 |
| KTB | 8,100      | 7,700    | -400   | -4.94 |
| GDT | 16,300     | 15,500   | -800   | -4.91 |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± %    |
|-----|------------|----------|------|--------|
| AGC | 900        | 800      | -100 | -11.11 |
| HPR | 10,000     | 9,300    | -700 | -7.00  |
| VCR | 4,300      | 4,000    | -300 | -6.98  |
| CMI | 11,500     | 10,700   | -800 | -6.96  |
| DHI | 2,900      | 2,700    | -200 | -6.90  |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| FPT | 14,400                | FPT | 14,502                |
| VNM | 3,530                 | MSN | 7,465                 |
| PVD | 2,963                 | VNM | 4,533                 |
| GAS | 493                   | PVD | 1,721                 |
| PVT | 440                   | PVF | 1,703                 |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| PVE | 143                   | AAA | 1,061                 |
| DBC | 137                   | HDO | 413                   |
| HPC | 98                    | HPC | 301                   |
| TCT | 67                    | APS | 249                   |
| ECI | 62                    | BVS | 235                   |

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ

#### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888

## CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Chi nhánh Hải Phòng*

**Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339**